

Bản án số: 44/2021/HS-PT
Ngày: 10-05-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2021/TLPT-HS ngày 12 tháng 3 năm 2021 do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Các bị cáo bị kháng nghị:

1. **Nguyễn Hoàng C** (tên gọi khác: R), sinh năm: 1984, tại Long An. Nơi cư trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1966; có vợ Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1989 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2007 và nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Quyết định số 230/QĐ-XPVPHC ngày 27/12/2018, Công an huyện Đ xử phạt hành chính số tiền 5.000.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép và che giấu việc đánh bạc trái phép (đã nộp phạt xong ngày 28/01/2019); bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, có mặt.

2. **Phạm Thành N** (tên gọi khác: M), sinh năm 1988, tại Long An. Nơi cư trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công H2, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1968; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, có mặt.

3. **Lê Thị Phước H3**, sinh năm 1984, tại Long An. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Phước K, sinh năm 1955 và bà Trần Thị H4, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, vắng mặt.

4. **Trương Thị Thu T1**, sinh năm 1981, tại Long An. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Ngọc T2, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị L2 (đã chết); có chồng Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1972; có 03 người con, lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, có mặt.

5. **Nguyễn Huy P** (tên gọi khác: M2), sinh năm 1985, tại Long An. Nơi cư trú: ấp C1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1955 và bà Bùi Thị H5, sinh năm 1959; có vợ Nguyễn Thị Ngọc L3, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, có mặt.

6. **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1967, tại Long An. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 (đã chết) và bà Trần Thị M3, sinh năm 1939; có chồng Trần Văn N2, sinh năm 1963; có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/7/2020 đến nay, có mặt.

Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo hoặc không có liên quan đến kháng nghị không triệu tập:

1. Thái Thanh B, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Ngọc P2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp L4, xã P3, huyện G, tỉnh Long An.

3. Huỳnh Văn U, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An.

4. Phạm Thị Út N3, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An.

5. Nguyễn Văn Hữu T5, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp B1, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

6. Ca Văn T6, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp L1, xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An.

7. Huỳnh Thị Ngọc T7, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

8. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

9. Lê Hiền N4, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 12/4/2020, Công an xã L phát hiện bắt quả tang tụ điểm đánh bạc xảy ra tại nhà Lê Hiền N4 ngụ ấp D, xã L, huyện Đ, tang vật tạm giữ trực tiếp trên chiếu bạc gồm: 01 tấm nhựa có ghi số thứ tự từ 04 đến 17; 03 cục xí ngầu bằng nhựa; 01 đĩa bằng sứ; 01 hủ tròn bằng nhựa; 02 xe mô tô các loại BKS 62M - 018.70, 62AM - 008.08 và tiền Việt Nam 6.550.000 đồng. Các đối tượng bị Công an mời làm việc tại hiện trường gồm: Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Nguyễn Thị T3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Lê Hiền N4, Huỳnh Thị Ngọc T7, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Văn Hữu T5, Phạm Thị Út N3, Huỳnh Văn U, Ca Văn T6, Thái Thanh B, Nguyễn Thị Thu H1. Ngoài ra còn tạm giữ tang vật gồm 12 điện thoại di động các loại và tiền Việt Nam 71.180.000 đồng do các đối tượng nêu trên tự nguyện giao nộp, thu giữ trên người và bên hông nhà của Lê Hiền N4.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 21 giờ ngày 12/4/2020, Nguyễn Hoàng C cùng với Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Nguyễn Thị T3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Huỳnh Thị Ngọc T7, Nguyễn Ngọc P2, Nguyễn Văn Hữu T5, Phạm Thị Út N3, Huỳnh Văn U, Ca Văn T6, Thái Thanh B đang uống cà phê tại quán của Cường thuộc ấp L1, xã M1, huyện Đ, Cường rủ tất cả đến nhà của Lê Hiền N4 để cùng nhau đánh bạc, được thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu do Cường làm cái, tất cả đồng ý. Khi đi, Cường đem theo số tiền Việt Nam 3.500.000 đồng, 01 tấm nhựa có ghi số thứ tự từ 04 đến 17, 01 cái đĩa bằng sứ, 01 hủ tròn bằng nhựa, 03 cục xí ngầu để sử dụng đánh bạc. Tất cả tụ tập ở sân trước nhà của N4 chơi lắc tài xỉu, C để 03 cục xí ngầu lên đĩa, lấy hủ nhựa đậy kín, dùng tay phải lắc cho các con bạc nghe, rồi để đĩa xuống tấm nhựa. Lúc này, các con bạc bắt đầu đặt tiền trên tấm nhựa từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/người/01 ván và C cho phép đặt bên tài hoặc bên xỉu, mỗi bên không quá 500.000 đồng/01 ván. Sau khi các con bạc đặt tiền xong, Cường dỡ hủ nhựa ra, các con bạc nhìn vào 03 mặt trên của 03 cục xí ngầu, đếm nút để phân biệt thắng thua. Nếu tổng số nút ở mặt trên của 03 cục xí ngầu từ 04 đến 10 nút thì bên xỉu thắng, còn từ 11 đến 17 nút thì bên tài thắng. Nếu ai đặt ở số 01 đến số 06 ở trên các ô số thì khi 03 mặt trên của 03 cục xí ngầu mà có từ 01 đến 06 thì thắng, còn ngược lại thì thua. Khi C thắng thì lấy tiền của các con bạc nhập vào tiền vốn 3.500.000 đồng đang cầm trên tay, còn thua thì lấy tiền trên tay ra chung. Đến 23 giờ 45 phút cùng ngày, C làm cái được khoảng 30 ván và tiếp tục lắc xí ngầu xong, các con bạc đặt tiền gồm: T1 100.000 đồng, P1

100.000 đồng, N 100.000 đồng, H3 100.000 đồng, T3 50.000 đồng. C chưa kịp khai hủ nhạ ra để phân biệt thắng thua thì bị Công an đến kiểm tra bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật, tiền trên chiếu bạc là 6.550.000 đồng (trong đó 450.000 đồng là tiền đặt của T1, P1, N, H3, T3, 5.950.000 đồng của C, B 100.000 đồng và P2 50.000 đồng cùng ném trên tấm nhạ).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 17 và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng C 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 1, Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17 và Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Thành N 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Phước H3 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Thu T1 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy P 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T3 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách

nhệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 3, Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hoàng C 20.000.000 đồng. Phạt bổ sung các bị cáo Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có Quyết định kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An. Nội dung kháng nghị là đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa lại thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của từng bị cáo và tuyên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong phần quyết định của bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 đều thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo qui định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng, không oan. Các bị cáo không có ý kiến gì đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về tố tụng: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

- Về nội dung: Các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt cải tạo không giam giữ mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho từng bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã giám sát, giáo dục là chưa chính xác, không đúng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ghi rõ “Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án”. Sai sót trên của bản án gây khó khăn cho công tác thi hành án hình sự và việc tính thời gian xóa

án tích về sau. Mặt khác, bản án nhận định các bị cáo là những người lao động làm thuê, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước, nhưng phần quyết định của bản án không tuyên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo theo quy định điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An, về thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ của từng bị cáo là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án và tuyên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo trong phần quyết định của bản án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã biết mình vi phạm pháp luật, thời gian về sau hứa không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị trong thời hạn quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thị Phước H3 vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị cáo Lê Thị Phước H3 không trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cùng tham gia đánh bạc với nhau trái phép dưới hình thức lặc tài xỉu vào lúc 23 giờ 45 phút ngày 12/4/2020, tại nhà Lê Hiền N4 ngụ ấp D, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. Tổng số tiền thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc là 6.550.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hoàng C là người làm cái, các bị cáo khác là người tham gia đặt tiền. Như vậy, hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào nhân thân và

áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt các bị cáo với hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ và hành vi của từng bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong phần tuyên thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là tính từ ngày giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã giám sát, giáo dục là chưa chính xác, không đúng hướng dẫn tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ghi “Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án”. Sai sót trên của bản án gây khó khăn cho công tác thi hành án hình sự và việc tính thời gian xóa án tích về sau của các bị cáo, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm nhận định các bị cáo là người lao động làm thuê, không có thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ. Tuy nhiên, phần quyết định của Bản án không tuyên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo theo qui định tại điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự là thiếu sót. Do đó, cần chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long an, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ về cách tính thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và tuyên miễn trừ thu nhập đối với các bị cáo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm b Điều 355; khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2020/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An về tính thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ và tuyên miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 17 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Hoàng C 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Căn cứ khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 17 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thành N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt: bị cáo Lê Thị Phước H3 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt: bị cáo Trương Thị Thu T1 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Huy P 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị T3 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M1, huyện Đ, tỉnh Long An nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

- Áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Hoàng C 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng. Phạt bổ sung các bị cáo Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 mỗi bị cáo 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

2. Án phí: Các bị cáo Nguyễn Hoàng C, Phạm Thành N, Lê Thị Phước H3, Trương Thị Thu T1, Nguyễn Huy P, Nguyễn Thị T3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng